

TOÀN CẦU HOÁ DƯỚI LĂNG KÍNH TRIẾT HỌC

HOÀNG PHÚ PHƯƠNG*

Khi nhìn về tiến trình lịch sử xã hội loài người, Alvin Toffler, trong “Làn sóng thứ ba” đã mô tả tiến trình lịch sử nhân loại như một quá trình tiến hoá, phát triển dài đầy biến động thông qua sự ẩn dụ bằng “ba làn sóng”. Với làn sóng thứ 1 là cuộc cách mạng nông nghiệp từ 10.000 năm về trước, làn sóng thứ 2 là cuộc đại cách mạng công nghiệp khoảng 300 năm từ nửa sau thế kỷ 17 đến nửa đầu thế kỷ 20. Và cuối cùng là làn sóng thứ 3 bắt đầu từ thập niên 50 của thế kỷ 20. Theo Alvin Toffler, làn sóng thứ ba là làn sóng của tương lai, đó là làn sóng hùng mạnh nhất cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ và các phương thức hoạt động kinh tế toàn cầu. Các làn sóng thay đổi va chạm nhau tạo ra sự xung đột và căng thẳng trong mọi lĩnh vực làm chuyển dịch nền văn minh nhân loại⁽¹⁾, cuối cùng, cùng với nỗ lực của con người, của thể chế mới với các loại hình kinh tế mới ... thế giới sẽ trở nên “phẳng” ra như Thomas L. Friedman trong “Thế giới phẳng” nhận thấy.

Khác với A.Toffler, T.L Friedman không dùng hình ảnh các làn sóng để phân chia các thời kỳ phát triển của văn minh nhân loại mà ông dùng thuật ngữ mang tính hiện đại hơn để mô tả quá trình làm phẳng thế giới ngày nay và tương lai đó là Toàn cầu hoá 1.0, 2.0 , 3.0. Các quá trình này là quá trình hội tụ dần từng nhân tố làm phẳng thế giới (theo ông, có 10 nhân tố và 3 sự hội tụ). Toàn cầu hoá 1.0 làm thế giới co lại từ kích thước lớn thành kích thước trung bình bắt đầu từ 1492 đến khoảng 1800, trong kỷ nguyên này các quốc gia và chính phủ đã đi đầu trong việc phá bỏ các bức tường và kết nối thế giới lại với nhau, thúc đẩy sự hội nhập toàn cầu; Toàn cầu hoá 2.0 kéo dài từ 1800 đến năm 2000 làm thế giới co lại từ cỡ trung bình xuống cỡ nhỏ, thời kỳ này xuất hiện các công ty đa quốc gia vươn ra toàn cầu để mở rộng thị trường và thu hút sức lao động mở đầu cho nền kinh tế toàn cầu; Toàn cầu hoá 3.0 bắt đầu khoảng năm 2000 làm thế giới co lại từ cỡ nhỏ xuống cỡ siêu nhỏ và đồng thời san bằng sân chơi toàn cầu, làm phẳng thế giới và trao quyền cho các cá nhân từ

* Viện Nghiên cứu Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh

mọi ngõ ngách trên thế giới cùng với sự giúp sức của khoa học công nghệ phát triển như vũ bão đảm bảo được tốc độ và phá tan mọi rào cản vật lý, tâm lý của mọi dân tộc ⁽²⁾.

Thế nhưng, có thật sự là thế giới đang phẳng ra đối với tất cả mọi người, đối với tất cả mọi lĩnh vực trên toàn thế giới hay thế giới chỉ phẳng đối với một số người, một số tập đoàn, một số lĩnh vực, một số quốc gia tồn tại lênh đênh trên những mặt nước mà “các làn sóng” đã nhấn chìm các phần gồ ghề “không phẳng”? Hơn nữa, cách tiếp cận vấn đề toàn cầu hoá như thế có thể phát hiện ra các vấn đề bản chất dựa trên các hiện tượng toàn cầu đang diễn ra không? Để trả lời câu hỏi này, tất yếu phải xem xét vấn đề giải thích và vận dụng “toàn cầu hoá” như thế nào và dưới góc độ nào. Do đó, chúng ta sẽ xem xét qua một số nhận định về toàn cầu hoá để từ đó rút ra các đặc điểm cơ bản nhằm xây dựng một đường hướng tiếp cận toàn cầu hoá theo quan điểm triết học.

1. Một số quan điểm và nhận định về Toàn cầu hoá

Thuật ngữ Toàn cầu hoá được đặt ra vào nửa sau thế kỷ 20, tuy nhiên thuật ngữ này và định nghĩa về nó không thâm nhập vào ý thức quần chúng cho đến nửa sau thập niên 1980. Một số lớn các nhà khoa học xã hội cố gắng chứng minh tính liên tục của toàn cầu hoá giữa những khuynh hướng đương đại với những thời đại trước. Có rất nhiều định nghĩa về toàn cầu hoá và mọi định nghĩa đều đề cập đến sự gia tăng mối liên kết kinh tế và phương thức sinh hoạt trên thế giới.

Từ điển Wikipedia nhận định rằng thuật ngữ toàn cầu hoá dùng để chỉ sự gia tăng mối liên kết, sự tích hợp và phụ thuộc lẫn nhau mang tính toàn cầu trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá, chính trị, kỹ thuật và sinh thái. Toàn cầu hoá thường được nhận thức như một quá trình thống nhất được cấu thành từ nhiều quá trình bên dưới (như sự phụ thuộc kinh tế cấp cao, ảnh hưởng văn hoá ngày càng gia tăng, những sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, và những thách thức trong địa chính trị và cách thức quản lý mới), trong đó ngày càng gia tăng mối liên kết giữa con người và sinh quyển thắt chặt hơn trong một hệ thống toàn cầu cùng chung một số mệnh⁽³⁾.

Từ điển bách khoa Britannica cho rằng toàn cầu hoá là “một quá trình mà nhờ nó những kinh nghiệm đời sống thường ngày... sẽ trở thành chuẩn mực trên toàn thế giới”. Còn một số học giả và nhà nghiên cứu về toàn cầu hoá lại nhấn mạnh tính hội tụ của những mẫu hình sản xuất và tiêu thụ, và kéo theo hệ quả là sự đồng nhất văn hoá; những người khác lại nhấn mạnh rằng toàn cầu hoá có tiềm năng mang nhiều mô thức khác nhau.

Nhìn chung, có rất nhiều quan điểm về Toàn cầu hoá, mỗi một quan điểm đều nêu lên một hoặc một số đặc trưng nổi bật trên bề mặt hiện tượng toàn cầu hoá. Jan Aart Scholte đã thâu tóm lại 5 quan niệm phổ biến về Toàn cầu hoá sau ⁽⁴⁾:

- Toàn cầu hoá như một quá trình quốc tế hoá. Ở đây, Toàn cầu hoá “đơn giản được xem như một tính từ dùng để miêu tả những mối liên hệ xuyên biên giới giữa các quốc gia”. Nó miêu tả sự lớn mạnh của sự trao đổi quốc tế và sự liên hệ phụ thuộc lẫn nhau. Cùng với những lưu lượng ngày càng tăng của

thương mại và đầu tư tư bản, có một khả năng cho việc chuyển di vượt quá nền kinh tế quốc tế (nơi mà các thực thể nền tảng là các nền kinh tế quốc gia) để trở thành một phiên bản “mạnh hơn” - nền kinh tế toàn cầu mà ở đó “những nền kinh tế quốc gia riêng biệt phải quy phục và tái tạo lại trong hệ thống bằng những tiến trình và giao dịch quốc tế”.

- Toàn cầu hoá như là quá trình tự do hoá. Đối với loại định nghĩa này, toàn cầu hoá nhằm để chỉ một “tiến trình phá bỏ những hạn chế do chính phủ đặt ra đối với các hoạt động giữa các quốc gia nhằm tạo ra một nền kinh tế “mở” và “không biên giới”.

- Toàn cầu hoá như quá trình phổ quát hoá. Theo cách dùng này, thuật ngữ “toàn cầu” được dùng với ý nghĩa là “rộng khắp” và “phổ biến hoá”. Đó là một tiến trình mở rộng đa dạng khách thể và kinh nghiệm tới mọi người ở mọi góc ngách trên thế giới. Ví dụ đơn giản là sự phổ biến của tivi, vi tính ...

- Toàn cầu hoá như phương tây hoá hay hiện đại hoá. Ở đây toàn cầu hoá được hiểu như quá trình động lực học (nhờ đó mà những cấu trúc xã hội của tính hiện đại (chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa duy lý, hệ thống công nghiệp, chế độ quan liêu ... được phổ biến ra toàn thế giới, thông thường là sự huỷ diệt những nền văn hoá có trước và tính tự quyết cục bộ trong tiến trình.

- Toàn cầu hoá như quá trình xoá bỏ các bức ngăn địa lý (hoặc như quá trình siêu -lãnh thổ hoá). Ở đây, toàn cầu hoá đưa đến sự “tái phân bố lại các khu vực địa lý, để mà các không gian xã hội hoàn toàn không được vẽ trên bản đồ những thuật ngữ như vị trí lãnh thổ, khoảng cách lãnh thổ và biên giới lãnh thổ”. Thế nên, Anthony Giddens đã định nghĩa toàn cầu hoá như “sự tăng cường các mối quan hệ xã hội rộng khắp nối kết các khu vực xa xôi theo cách mà những vấn đề xảy ra ở địa phương bị định hướng bởi những sự việc xảy ra ở cách xa hàng km và ngược lại”. David Held định nghĩa toàn cầu hoá như “một quá trình (hoặc một tập hợp các quá trình) biểu hiện sự biến đổi trong cơ cấu không gian của các mối quan hệ xã hội và các sự giao dịch – định ra các thuật ngữ về tính bao quát, cường độ, tốc độ, và ảnh hưởng của nó – phát sinh ra những dòng chảy liên lục địa hay liên vùng và các mạng lưới hoạt động”.

Do đó, xét về mặt hiện tượng, Toàn cầu hoá là một quá trình tạp bao gồm nhiều sắc thái đa dạng ảnh hưởng đến thế giới trên nhiều phương diện^(c):

- Công nghiệp (quá trình xuyên quốc gia hoá): sự nổi lên các thị trường sản phẩm rộng khắp và sự tăng thêm nhiều loại hàng hoá đối với người tiêu dùng và các công ty.

- Tài chính: sự nổi lên của các thị trường tài chính rộng khắp và gia tăng tốt hơn về vốn nước ngoài cho những sự vay mượn ở các tập đoàn, quốc gia và các thành phần nằm trong quốc gia.

- Chính trị: sự mở rộng lĩnh vực chính trị về quyền lợi của các khu vực và quốc gia bên ngoài vùng biên của những nhân tố chính trị (thuộc về chính phủ hoặc phi chính phủ) và hệ thống xã hội tiềm năng của phong trào công dân thế giới.

- Thông tin: gia tăng những lưu lượng thông tin giữa những khu vực địa lý xa xôi, hẻo lánh, cách biệt.

- Văn hoá: sự lớn mạnh của những sự tương tác đan xen văn hoá, sự tiến tới việc thiết lập những phạm trù mới về sự hiểu biết và sự đồng nhất như chủ nghĩa toàn cầu – được hiểu sự tiến tới việc khuyếch tán văn hoá, sự khát khao tiêu dùng và thưởng thức những sản phẩm và ý tưởng nước ngoài, sự thích nghi với công nghệ mới và cách sử dụng nó và sự gia nhập vào một “thế giới văn hoá”.

- Sinh thái: sự đối mặt với những thách thức môi trường toàn cầu mà không thể nào giải quyết được nếu không có sự hợp tác quốc tế, như là sự thay đổi khí hậu, vấn đề ô nhiễm không khí và nước xuyên biên giới, sự khai thác biển quá mức và sự lây lan các loài thù địch.

Trong lĩnh vực kinh tế, quan niệm rộng rãi cho rằng toàn cầu hoá là sự hội tụ của giá cả, sản phẩm, tiền lương, tỷ suất lợi nhuận và lợi tức cùng hướng tới những mức chuẩn của những nước phát triển. Toàn cầu hóa kinh tế phụ thuộc vào vai trò của người nhập cư, thương mại quốc tế, sự lưu động tư bản, và sự tích hợp của các thị trường tài chính. Quỹ tiền tệ quốc tế nhấn mạnh đến sự liên hệ lẫn nhau về phương diện phát triển kinh tế của các quốc gia khắp thế giới thông qua việc gia tăng dung lượng và đa dạng hoá những sự giao dịch xuyên biên giới, những dòng vốn đầu tư quốc tế tự do, và sự phổ biến khoa học kỹ thuật ngày càng rộng rãi và nhanh chóng.

Đứng trên quan điểm kinh tế học toàn cầu, Charles. Albert Michalet đưa ra cách nhìn mới cho rằng Toàn cầu hoá là một hiện tượng đa chiều, bao gồm bề chiều trao đổi mậu dịch về của cải và dịch vụ, bề chiều của sự đầu tư trực tiếp ra nước ngoài và bề chiều lưu thông tư bản tài chính. Từ đó, Charles. Albert Michalet đưa ra ba cấu hình để mô tả hiện tượng toàn cầu hoá: 1. Cấu hình liên quốc gia (bề chiều chủ đạo là trao đổi mậu dịch về của cải và dịch vụ, được tạo lập trên cơ sở nguyên tắc chuyên môn hoá quốc tế); 2. Cấu hình đa quốc gia (bề chiều về tính lưu động của việc sản xuất hàng hoá và dịch vụ, là sự đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, được tạo lập trên cơ sở cạnh tranh, chia phần thị trường thế giới); 3. Cấu hình tổng thể (được đặc trưng bằng bề chiều lưu thông tư bản tài chính, được tạo lập trên cơ sở logic về sự sinh lợi tài chính, tức là phân sinh lợi của vốn đầu tư). Những bề chiều toàn cầu hoá phụ thuộc lẫn nhau, chuyển đổi lẫn nhau theo các chế độ điều tiết trong quá trình tiến hóa cấu thành nên các cấu hình toàn cầu hóa. “Do đó, cái thuộc về nền tảng của cuộc vận động không ngừng đổi mới của toàn cầu hoá, đó là cái biện chứng giữa sự tồn tại những khác biệt lãnh thổ và một quy trình đồng nhất hoá gắn liền với việc tích lũy vốn”, và “suy cho cùng tính năng động của sự nghiệp toàn cầu hoá không phải sẽ dẫn tới một không gian đơn nhất ở cấp độ toàn cầu, mà dẫn tới một không gian chia cách thành những khối khu vực đồng nhất”⁽⁶⁾

Như vậy, nếu đứng trên quan điểm kinh tế học nhìn nhận về Toàn cầu hoá, chúng ta sẽ phải xuất phát từ những sự tích hợp và bành trướng kinh tế qua từng giai đoạn trong lịch sử văn minh nhân loại. Vì thế, các hình thức của toàn cầu hoá bắt đầu tồn tại từ suốt thời đế chế Mông Cổ, khi có những sự tích hợp dọc theo con đường tơ lụa. Sau đó đến sự tích hợp toàn cầu tiếp tục kéo dài qua sự

bành trướng thương mại của châu Âu ở thế kỷ 16, 17, khi đế chế Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha vươn tới mọi ngõ ngách của thế giới. Đến thế kỷ 17, Toàn cầu hoá trở thành một hiện tượng kinh tế khi công ty đa quốc gia đầu tiên được thành lập ở Hà Lan. Suốt kỷ nguyên vàng của Hà Lan, công ty Đông Ấn của Hà Lan được thành lập như một công ty tư nhân có toàn quyền. Công ty Đông Ấn là công ty đầu tiên trên thế giới phát hành cổ phần, một nhân tố quan trọng cho việc toàn cầu hoá. Chủ nghĩa tự do thế kỷ 19 thường được coi là “kỷ nguyên Toàn cầu hoá đầu tiên”, đó là một thời kỳ được đặc trưng bởi sự bành trướng thương mại quốc tế và đầu tư một cách nhanh chóng giữa châu Âu, quyền lực đế chế và những thuộc địa của nó và sau đó là nước Mỹ. Kỷ nguyên toàn cầu hoá đầu tiên sụp đổ cùng với cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất và hoàn toàn sụp đổ trong suốt thời kỳ khủng hoảng bản vị vàng ở thập kỷ 20, 30 thế kỷ 19. Toàn cầu hoá trong kỷ nguyên này bắt đầu từ thế chiến thứ hai được phát động bởi những sự phát triển của khoa học công nghệ đã làm giảm chi phí giao dịch và những vòng đàm phán thương mại, bắt nguồn từ sự bảo hộ của GATT đã đưa tới một loạt những sự đồng thuận về việc phá bỏ những hạn chế đối với thương mại tự do.

Do đó, Daniel Yergin đã nhận xét: “Nhìn lại có thể thấy Toàn cầu hoá là kết quả quá trình phát triển đỉnh cao sau hàng trăm năm. Toàn cầu hoá phản ánh thời kỳ mở đầu của nền kinh tế thế giới, sự hội nhập ngày càng tăng của các quốc gia và sự xuất hiện một thị trường toàn cầu.”. Hơn nữa, “ở một vài khía cạnh, một thế kỷ trước thế giới được toàn cầu hoá nhiều hơn hiện nay, và theo một số chuẩn mực, ví dụ như phần đóng góp của thương mại thế giới trong tổng sản lượng thì quả thực là như vậy. Tuy nhiên, về cơ bản thì hội nhập kinh tế một thế kỷ trước hầu như không thể so sánh với quá trình toàn cầu hoá ngày nay về cả bề rộng cũng như bề sâu.” Và “một sự chuyển biến toàn cầu sẽ đem lại những tiến bộ vượt bậc trong lĩnh vực thông tin liên lạc và công nghệ thông tin cho tới khi nó được nhìn nhận là một quá trình toàn diện, không ngừng thay đổi và xét về cường độ, luôn luôn mới mẻ”. Tuy nhiên, “sau cùng, toàn cầu hoá tuy có vượt ra ngoài phạm vi lãnh thổ của một quốc gia, nhưng không thể xoá bỏ hoàn toàn ranh giới giữa các nước”⁽⁷⁾.

2. Toàn cầu hoá dưới quan điểm thuyết tiến hoá và hiệu ứng bướm bướm

Qua các quan điểm trên, chúng ta có thể nhận thấy quá trình toàn cầu hoá mặc dù xuất phát từ những hoạt động kinh tế nhưng nó lại mang mối liên hệ đến mọi lãnh vực của đời sống xã hội, nó làm cho các xã hội, các nền văn minh, các lĩnh vực hoạt động của con người ngày càng phụ thuộc và tác động lẫn nhau nhiều hơn, sâu sắc hơn, điều này có thể nhận thấy được trong lịch sử có những nền văn hoá, văn minh và các xã hội đã tàn lụi mà không gây hoặc ít gây ra những ảnh hưởng lớn đến các xã hội và nền văn minh khác như văn minh Maya, các cư dân ở đảo Pitcairn và Henderson, xã hội người Anasazi, người xã hội người Norse ở Greenland... cùng với nó là những tác động nghiêm trọng của những vấn đề môi trường sinh thái mang tính toàn cầu, đặt ra những thách thức lớn cho sự sống còn của con người⁽⁸⁾. Ngoài ra, cách tiếp cận kinh tế học

toàn cầu chỉ nêu ra được một số xu hướng và hiện tượng toàn cầu hoá vì thực chất xét về phương diện lịch sử toàn cầu hoá bắt đầu từ khi con người, dưới ảnh hưởng của Tự nhiên, buộc phải di cư tìm những vùng đất mới và mở rộng môi trường sinh sống của mình từ đó tác động đến mọi lĩnh vực trên phạm vi toàn thế giới, ngoài ra, các cuộc bành trướng xâm lược của các dân tộc cổ như người Viking, người Hy Lạp, La Mã, châu Âu, người Mông Cổ, người Trung Quốc ... mặc dù không đạt được mục đích chinh phục toàn cầu nhưng cũng gây ra những sự tiến hoá cho mọi nền văn minh trên thế giới, đồng thời cũng đặt ra những thách thức mới, tạo ra những hệ quả có ảnh hưởng lớn đến thế giới trong tương lai. Vì thế, cách tiếp cận lịch sử còn cho ta thấy được một quá trình toàn cầu hoá rộng lớn hơn, mang nhiều ảnh hưởng hơn với những sự tiến hoá lịch sử của nó (điều này có thể nhận thấy được qua các mô hình toàn cầu hoá của A.Toffler, T.L.Thomas ...), cùng với đó là sự vận động phức tạp của lịch sử với biện chứng của tất yếu và ngẫu nhiên dẫn đến một mô hình thế giới phức tạp hơn, biến động hơn và mang nhiều xu hướng hơn. Hơn nữa, xét về khía cạnh phát triển của lực lượng sản xuất và sự tiến hoá của chủ nghĩa tư bản, thì vấn đề toàn cầu hoá của chủ nghĩa tư bản trong sự phát triển mâu thuẫn biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất của nó là tất yếu vì chủ nghĩa tư bản không thể hoạt động được trong phạm vi một nước riêng lẻ, xu hướng toàn cầu hoá là xu hướng tất yếu sống còn của nó; đồng thời sự tiến hoá của chủ nghĩa tư bản lại tác động đến các hình thái xã hội khác, làm các xã hội cũng tất yếu tiến hoá theo những con đường khác nhau với cùng xu thế tất nhiên của lịch sử – xu thế toàn cầu hoá; do đó quá trình toàn cầu hoá không đồng đều giữa các quốc gia và khu vực, nó kèm theo một xu hướng phân cực hoá không gian toàn cầu mạnh mẽ làm cho quá trình toàn cầu hoá có mang tính vừa thống nhất vừa phân cực. Và hệ quả là, sự tiến hoá của các hệ thống xã hội, văn hoá, chính trị ... toàn cầu mang tính bất ổn định trong một xu hướng hướng tới một sự cân bằng mới, đồng thời khiến các hệ thống đó mang đặc tính dễ kích thích khi có sự thay đổi các lưu lượng thông tin và hoạt động mới.

Do đó, có thể thấy quá trình toàn cầu hoá là một quá trình tiến hoá của các xã hội (hoặc tiến hoá tự thân hoặc bị thúc đẩy phải tiến hoá để thích nghi với những sự thay đổi hoặc với sự tiến hoá ở các hệ thống xã hội khác). Đây là quá trình biến đổi về lượng của các hệ thống xã hội trên mọi lĩnh vực trong đó lĩnh vực kinh tế cùng với sự phát triển và bành trướng khoa học công nghệ là nhân tố quan trọng nhất⁽⁹⁾. Điều này có thể nhận ra thông qua các thông điệp của các tác giả nghiên cứu về toàn cầu hoá như A. Toffler nhận xét: “sự tiến hoá có thể được xem như một quá trình tiến về các chính thể ngày càng phức tạp và sinh học đa dạng thông qua sự xuất hiện của các cấu trúc mới”. Tuy nhiên, quá trình toàn cầu hoá còn tạo ra một môi trường biến động, không thể tiên đoán được với những biến số ngẫu nhiên có ảnh hưởng cực kỳ lớn đối với bất kỳ một hệ thống xã hội nào cũng như với bất kỳ lĩnh vực nào, “đó là trật tự từ hỗn độn. Thay vì bị khoá vào một vũ trụ khép kín hoạt động giống như một đồng hồ cơ khí, chúng ta đang ở trong một hệ thống linh động mà trong đó luôn luôn có một khả năng về sự mất ổn định dẫn đến một thuyết cơ khí mới. Chúng ta thực sự có một “vũ trụ mở rộng”⁽¹⁰⁾.

Do đó, để tiếp cận Toàn cầu hoá với những đặc trưng bản chất của nó, cần thiết phải xây dựng lý luận triết học cho nó. Ở đây, với những đặc trưng nêu trên của Toàn cầu hoá, chúng ta có thể xem xét nó dưới quan điểm vận dụng lý luận của thuyết tiến hoá trong sinh học và hiệu ứng bướm bướm trong vật lý học vào việc nhận thức các vấn đề toàn cầu hoá. Vì vậy, trước tiên, chúng ta sẽ tiếp cận các quan điểm lý luận của thuyết tiến hoá và hiệu ứng bướm bướm trên quan điểm phương pháp luận nhận thức để từ đó nhận thức vấn đề toàn cầu hoá theo hệ các quan điểm này.

Về thuyết tiến hoá, thuyết này được Charles Darwin đưa ra năm 1859 để chứng minh về sự tiến hoá của các giống loài trong sinh học, vạch ra nguồn gốc của các loài thông qua chọn lọc tự nhiên, đó là sự duy trì những giống nòi tốt trong cuộc đấu tranh sinh tồn. Theo Darwin, “cụm từ đấu tranh sinh tồn theo nghĩa rộng và ẩn dụ, bao gồm sự phụ thuộc của cơ thể sống này vào cơ thể sống khác.” và “Nhờ có cuộc đấu tranh sinh tồn, bất kỳ thay đổi nào, tuy nhỏ và do bất cứ nguyên nhân nào, nếu nó có bất kỳ lợi ích nào đối với một cá thể của một loài bất kỳ, trong mối quan hệ vô cùng phức tạp của nó với các cơ thể sống khác, và với môi trường bên ngoài, sẽ có xu hướng được giữ lại và nói chung sẽ được truyền lại cho con.”⁽¹¹⁾

Dựa trên những thành tựu trong nghiên cứu của Darwin, hai nhà sinh vật học Peter và Rosemary Grant đã nghiên cứu 20 năm trên hòn đảo Daphne Major hoang vu thuộc quần đảo Galapagos để chứng minh và sửa sai cho thuyết tiến hoá của Darwin mà chính Darwin đã không biết đến sức mạnh trong học thuyết của chính ông, vì chọn lọc tự nhiên không ít gặp và cũng không diễn ra chậm chạp; nó diễn ra hàng ngày hàng giờ và chúng ta có thể theo dõi được⁽¹²⁾ trong khi Darwin cho rằng: “chọn lọc tự nhiên diễn ra đơn lẻ thông qua tích lũy những biến dị ít ỏi và liên tiếp, thuận tiện, nó có thể không tạo ra những bước cải biến lớn và đột ngột; nó có thể diễn ra từng bước chậm chạp và rất ngắn.” và “tác động của tự nhiên lúc nào cũng xảy ra hoàn toàn chậm chạp, tôi phải hoàn toàn công nhận điều này”⁽¹³⁾

Sự nghiên cứu phát triển thuyết tiến hoá của Peter và Rosemary Grant có thể khái quát ở những hệ luận sau⁽¹⁴⁾:

- Tiến hoá diễn ra mọi lúc mọi nơi, liên tục tạo ra và huỷ diệt loài mới
- Tiến hoá, đó là quá trình đồng tiến hoá (mối liên hệ, tác động qua lại giữa các loài trong cuộc đấu tranh sinh tồn) đưa tới việc tiến hoá cả hệ thống tiến hoá làm cho loài có xu hướng phân ly và thống nhất
- Tiến hoá được thúc đẩy rất nhanh, diễn ra liên tục, và có thể quan sát được trong một số hệ tiến hóa.
- Tiến hoá là quá trình đấu tranh để thích nghi và loại bỏ các yếu tố bất lợi cho sự sinh tồn. Tiến hoá không chỉ đẩy nhanh một loài theo một hướng mà nó cũng có thể đảo ngược hướng và đẩy loài đó lùi lại cũng nhanh.
- Tiến hoá đưa tới tính dễ bị kích thích của các quần thể, hệ thống. “cấu trúc của mọi cơ thể sống, trong mặt chủ yếu nhất bị ẩn đi, có liên hệ với cấu trúc của tất cả các cơ thể sống khác, mà nó cạnh tranh giành lấy thức ăn hay địa

bàn hoạt động, hay những thực thể mà chúng phải trốn tránh, hay thực thể mà chúng săn đuổi”⁽¹³⁾

Về Hiệu ứng bướm bướm (Butterfly Effect), hiệu ứng này do nhà khí tượng học người Mỹ Edward Lorenz phát hiện ra vào năm 1961, thuật ngữ ẩn dụ miêu tả một con bướm vỗ cánh ở Brazil có thể gây bão tố ở Texas. Hiện tượng này chứng tỏ sự thay đổi rất nhỏ trong trạng thái ban đầu của hệ có thể làm thay đổi hoàn toàn sự tiến hoá sau đó của hệ đó. Điều này nói lên rằng trong một hệ phi tuyến phức hợp, chỗ nào cũng có thể tồn tại những điểm bất ổn, những điểm rất dễ chịu tác động của những ảnh hưởng mới. Những thay đổi nhỏ gây lên hiệu ứng nhân lên gấp nhiều lần đối với các biến cố tương lai, làm thay đổi các điều kiện khắp lộ trình, cuối cùng gây nên những hậu quả bất ngờ tại một quy mô rộng lớn hơn vào một thời điểm nào đó trong tương lai.

Nghiên cứu cách thức các cấp độ trật tự và cơ cấu liên tục đổi thay, tái tạo dưới động thái của các hệ phi tuyến, các nhà khoa học đã đi tới quan niệm về một hệ thích nghi phức hợp. Theo đó, hệ thích nghi phức hợp là hệ tiến hoá phi tuyến mở, thường xuyên xử lý và hội nhập các thông tin mới. Tồn tại và cơ cấu của hệ này tùy thuộc vào dòng liên tục về năng lượng và thông tin mới khiến cho không thể biết mọi điều kiện ban đầu ở bất luận thời điểm nào. Đó là những hệ tồn tại ở nơi ranh giới giữa hỗn độn và trật tự. Chúng không đi tới sự phân tán hoàn toàn mà lại thích nghi với sự thay đổi. Hiện tượng thay đổi diễn ra thường xuyên do tác động của các dòng thông tin mới, khi nhạy cảm với dòng thông tin mới nó chuyển qua một giai đoạn thích nghi để từ đó phát sinh một phương thức mới hay một hình dạng mới. Có khi các thay đổi quá mạnh mẽ tới mức làm thay đổi về chất khiến cho hệ thống trước và sau rất khác nhau. Các nhà khoa học đã chứng minh được rằng phía dưới sự dường như hỗn độn của hệ phi tuyến có tồn tại một thứ trật tự, thực chất là một loại hình tự tổ chức về phương thức, hình dạng và cơ cấu hoạt động⁽¹⁵⁾.

Như vậy, kết hợp lý luận về thuyết tiến hoá hiện đại với quan niệm về các hệ động lực phi tuyến tính được đặc trưng bằng hiệu ứng bướm bướm vào việc nhận thức quá trình toàn cầu hoá dựa trên các hiện tượng toàn cầu hoá đang diễn từ những hiện tượng kinh tế toàn cầu đến các lĩnh vực văn hoá, chính trị, sinh thái... toàn cầu, ta hoàn toàn có thể rút ra được các kết luận sau:

- Về bản chất, quá trình toàn cầu hoá là một quá trình tiến hoá của vô số các hệ thống vận động phi tuyến tính, trong đó các quá trình thay đổi về lượng đang diễn ra với một tốc độ nhanh, mạnh bao hàm một sự phụ thuộc nhạy cảm vào các biến số thay đổi. Quá trình này được biểu hiện trên hiện tượng các hệ thống tương tác và phụ thuộc lẫn nhau một cách chặt chẽ.

- Sự tiến hoá của các hệ thống làm kéo theo sự tiến hoá của một loạt các hệ thống khác trong cùng một hệ thống hoặc các hệ thống đang tương tác với nó trên mọi lĩnh vực. Sự tiến hoá này có thể dẫn tới sự phát triển sau một loạt các sự biến đổi về lượng hoặc sẽ phải thoái bộ cũng sau một loạt các sự biến đổi về lượng.

- Từ đó, đưa tới hệ quả là tạo ra một thế giới phân cực ngày càng nhanh chóng theo mọi hướng nhưng cũng đồng thời bao hàm tính thống nhất nội tại trong

xu hướng tiến hoá tất yếu của toàn cầu hoá, điều này biểu hiện ở các hiện tượng bất đối xứng hoặc không đồng đều trong quá trình toàn cầu hoá. Như vậy lịch sử được thúc đẩy bởi hai quá trình bổ sung lẫn nhau: phân chia và thống nhất.

- Đối với quá trình tiến hoá tự nhiên, các hệ bị quy định và phụ thuộc vào các quá trình tự nhiên, nhưng trong quá trình toàn cầu hoá, các hệ tuân theo xu hướng thích nghi có điều tiết của con người được thiết lập trên cơ sở phân định những thách thức và sự ứng phó đối với từng hệ thống trước sự biến đổi của môi trường toàn cầu.

- Tính dễ bị kích thích tạo ra sự thay đổi cũng là một đặc trưng quan trọng của quá trình toàn cầu hoá. Ở đây, quá trình toàn cầu hoá khiến cho các hệ thông rơi vào trạng thái mất ổn định bề mặt, gây ra nhiều xung đột, cạnh tranh.

- Sự tiến hoá của chủ nghĩa tư bản là một quá trình tất yếu, do đó nó sẽ kéo theo các hệ thống xã hội khác cùng tiến hoá theo, tuy nhiên, do xu thế phân cực của toàn cầu hoá, các hệ thống xã hội sẽ tiến hoá trong những động thái khác nhau, tạo ra sự đa dạng trong sự chuyên môn hoá xã hội và quốc gia.

- Quá trình toàn cầu hoá tạo ra sự liên kết, tích hợp giữa các lĩnh vực có tương quan với nhau tạo thành một sự tiến hoá tổng thể trong đó sự tiến hoá của lực lượng sản xuất xã hội ngày càng mang tính toàn cầu là quá trình tất yếu, có ảnh hưởng trực tiếp quy định các quá trình toàn cầu hoá khác.

Như vậy, áp dụng kết hợp quan điểm lý luận về thuyết tiến hoá trong sinh học và hiệu ứng bướm bướm trong vật lý học vào việc nhận thức quá trình toàn cầu hoá có thể đem lại cho chúng ta một nhận thức sâu hơn, bản chất hơn, bao quát hơn so với các quan niệm toàn cầu hoá trong các lĩnh vực khác. Đây cũng là cách tiếp cận triết học đối với toàn cầu hoá vì thực chất việc kết hợp hai quan điểm lý luận này chính là sự cụ thể hoá, chi tiết hoá các nguyên lý và quy luật của phép biện chứng duy vật. Tuy nhiên, để có cái nhìn phân mảnh chi tiết hơn trong tính tổng thể của toàn cầu hoá nhằm vạch ra các phương hướng vận động, tiến hoá và những giải pháp cho những vấn đề toàn cầu hoá, cần phải tiếp cận các quan điểm khác kết hợp lại dưới hệ quan điểm này.

Do đó, ta có thể công thức hoá cho quá trình toàn cầu hoá như sau:

Toàn cầu hoá = Thuyết tiến hoá + Hiệu ứng bướm bướm

Trong đó:

- Toàn cầu hoá: một quá trình tiến hoá của vô số các hệ thống vận động phi tuyến tính, trong đó các quá trình thay đổi về lượng đang diễn ra với một tốc độ nhanh, mạnh bao hàm một sự phụ thuộc nhạy cảm vào các biến số thay đổi. Quá trình này được biểu hiện trên hiện tượng các hệ thống tương tác và phụ thuộc lẫn nhau một cách chặt chẽ.

- Thuyết tiến hoá: sự vận dụng các hệ luận tiến hoá trong sinh học vào quá trình nhận thức lịch sử xã hội loài người.

- Hiệu ứng bướm bướm: sự vận dụng các hệ luận xuất phát điểm của hiệu ứng bướm bướm trong vật lý học vào quá trình nhận thức lịch sử xã hội loài người(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên Nội san *Nghiên cứu Con người và Xã hội*, số 17/2007.

1. Xem Alvin Toffler, *Làn sóng thứ ba*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội, 1992.
2. Xem Thomas L. Friedman, *Thế giới phẳng*, Nxb trẻ, Tp.HCM, 2006.
3. <http://en.wikipedia.org/wiki/Globalization>
4. <http://Globalization.com/> Globalization – some definitions.
5. <http://en.wikipedia.org/wiki/Globalization6>.
6. Charles – Albert Michalet, *Suy nghĩ về Toàn cầu hoá*, Nxb Đà Nẵng, 2005
7. Daniel Yergin, *Những đỉnh cao chỉ huy*, Nxb Tri thức, Hà Nội, 2007, trang 723, 731, 733, 747.
8. Để hiểu thêm về vấn đề này, xin xem 2 tác phẩm của Jared Diamond: *Súng vi trùng và thép và Sụp đổ*, Nxb Tri thức, Hà Nội, 2007. Điển hình là ví dụ về sự ứ đọng của các xã hội đối với các vấn đề môi trường cũng như sự tiếp thu công nghệ làm xã hội tiến hoá theo những xu hướng mới, một số vươn tới sự phát triển như xã hội Nhật bản thời Tokugawa, nước cộng hoà Dominica..., một số bị suy thoái, diệt vong như văn minh Maya, người Polnesia ở đảo Henderson trong quần đảo Pitcairn (hoàn toàn cô lập với thế giới bên ngoài), người Anasazi ở vùng Tây nam nước Mỹ..., một số phải đối mặt với những khó khăn thách thức mới như Trung Quốc, Australia, ... Một ví dụ là cuộc thám sát của người Maori đối với người Moriori chỉ cách biệt nhau ở chỗ người Maori du nhập được súng hoả mai và khoai tây của người Châu Âu làm thay đổi đà tiến hoá của họ, dẫn đến việc họ bành trướng tiêu diệt các bộ tộc khác trên khắp Newzealand, cũng giống như người da đỏ châu Mỹ học cách dùng súng để chống lại sự xâm lược của người Anh ...
9. Theo *Từ điển triết học giản yếu*, Nxb ĐH và TH chuyên nghiệp, Hà Nội, 1987 thì Tiến hoá là sự tăng lên từ từ, tuần tự những biến đổi về số lượng, chuẩn bị cho những bước biến đổi căn bản về chất lượng. “cuộc sống và sự phát triển trong tự nhiên bao hàm trong nó cả sự tiến hoá chậm chạp lẫn những bước nhảy vọt nhanh chóng, những đứt đoạn của tính liên tục”. Còn theo nghĩa rộng tiến hoá đồng nghĩa với phát triển. Ở đây, tiến hoá được hiểu theo nghĩa thứ nhất để biểu thị các quá trình toàn cầu hoá là các quá trình đang biến đổi về lượng một cách tiệm tiến trong đó vẫn hàm ẩn ý nghĩa có thể xảy ra bước nhảy vọt cách mạng tạo nên sự phát triển theo các quy luật biện chứng.
10. Alvin Toffler, *Sđđ*, tr 147 – 148.
11. Charles Darwin, *Nguồn gốc của muôn loài*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội, trang 109 – 110.
12. Xem tác phẩm khái quát sự nghiên cứu của Peter và Rosemary Grant của Jonathan Weiner trong *Mỏ chim sẻ đảo*, Nxb Tri thức, Hà Nội, 2007
13. Charles Darwin, *Sđđ*, trang 581, 167, 128.
14. Ở đây, chúng ta chỉ xem xét một số hệ luận có thể áp dụng để nhận thức quá trình toàn cầu hoá và tạm bỏ qua các hệ luận về sinh học tiến hoá
15. Xem T. Irene Sanders, *Tư duy chiến lược và khoa học mới*, Nxb Tri thức, Hà Nội, 2006.